

Group	G16
Round	2
Board	

K) 

Group	G16
Round	2
Board	1

E (BLACK)

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

13:00

										Date 18.07.26		Board 1	
WHITE Tong Yiyi										FED China		RESULT (W) 1	
BLACK Tudina Veronika										FED Russia		RESULT (B) 0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	d4	h6	21	ce4	h4	41	e7	h6					
2	c4	e6	22	e6	qh4	42	qf6	h6					
3	nc3	cb4	23	g3	qh5	43	cd5	cd5					
4	e3	o-o	24	ne1	ne3	44	qd5	h6					
5	ag3	cc3	25	ce3	cc4	45	op5	op5					
6	bc	g8	26	qf2	nc2	46	op25	op25					
7	ne2	d6	27	cd4	ne3	47	ne5	h6					
8	ng3	h6	28	ce2	qf5	48	h6	ne4					
9	ce2	b6	29	h6	b5	49	h6	h6					
10	o-o	e5	30	g4	qf6	50	na5	ne3					
11	d5	na5	31	ce5	qg7	51	nc5	h3					
12	e4	ne3	32	qf3	h4	52	h6	ne3					
13	h5	ce6	33	nd1	q5	53	h6	ne2					
14	ne3	g6	34	qf4	cb3	54	h6	na2					
15	qf2	h6	35	h6	g5	55	ah	h6					
16	cp3	op27	36	qd6	qh6	56	h6	ne2					
17	cd2	ne3(a)	37	nd1	ne6	57	h6	ne3					
18	h4	h5	38	ne1	ne3	58	h6	h6					
19	de	de	39	de	qf6	59	as	ne1					
20	ne3	ne3	40	qf5	cc4	60	ah	na1					
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

13:00

										Date 18.07.26		Board 1	
WHITE Tong Yiyi										FED CHN		RESULT (W) 1	
BLACK Tudina Veronika										FED Russia		RESULT (B) 0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	h6	h5	21			41							
2	g5	h4	22			42							
3	ng6	h6	23			43							
4	h6	h6	24			44							
5			25			45							
6			26			46							
7			27			47							
8			28			48							
9			29			49							
10			30			50							
11			31			51							
12			32			52							
13			33			53							
14			34			54							
15			35			55							
16			36			56							
17			37			57							
18			38			58							
19			39			59							
20			40			60							
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



12:54

Group G-16

Round 2

Date 2026.7.18

Board 2

WHITE Zol-Uchral Erdenesaiikhan				FED MGL		RESULT (W)		1						
BLACK Le Thai Hoang Anh				FED VIF		RESULT (B)		0						
#	WHITE		BLACK		#	WHITE		BLACK						
1	d4	g0	d5	g0	21	Rd1	53	Qd7	40	41	Qd4	Qc6		
2	c4	g0	e6	g0	22	Bb3	37	Bf6	32	42	kg3	Qc7		
3	Nc3	g0	Nf6	g0	23	Re8	38	Rq28	32	43	kP3	Qc6		
4	cd	g0	ed	g1	24	Ne2	34	Ne6	32	44	Qe4	Qc3		
5	Bg5	g1	c6	g0	25	h4	27	Ba4	25	45	Be3	Qa1		
6	e3	g1	Be7	g0	26	Ba4	20	Qa4	25	46	Qd3	Qh1		
7	Bd3	g1	O-O	g0	27	Nc3	20	Qc4	24	47	kg3	Qe1		
8	Nge2	g2	Nbd7	88	28	b3	14	Qc6	24	48	Bf2	Qe7		
9	Qc2	g2	Rc8	88	29	g4	13	Rc8	21	49	Bc3	Qe5		
10	O-O	g2	Nf8	87	30	Rc1	12	Qd6	26	50	kh3	Qe6		
11	f3	g2	g6	83	31	g5	10	Nd4	12	51	kg3	h5		
12	Ra1	89	Ne6	77	32	kg2	7	Nf3	14	52	Qd4	kh7		
13	Bh4	84	b6	60	33	kP3	8	Be5	14	53	Qd4	Qe7		
14	Qd2	80	Bb7	59	34	Nd5	5	Rc1	14	54	kP2	kg8		
15	Bf2	79	e5	58	35	Nf6	5	kP8	14	55	Bd4	f5		
16	Bc2	74	cd	51	36	Qc1	5	Bf6	14	56	Qg5	Qd6		
17	Nd4	73	Nd4	50	37	gf	5	Qf6	14	57	Qf6	Qh2		
18	ed	68	Bc6	50	38	kg2	6	Qe6	14	58	kP1	Qg3		
19	RPe1	65	Nhs	48	39	Qa3	5	kg7	14	59	kd2	Qf4		
20	Re5	55	Ng7	43	40	Qb2	4	kg8		60	kc2	Qh6		
SIGNATURE (WHITE)					SIGNATURE (BLACK)					SIGNATURE (ARBITER)				
Zol-Uchral					Le Thai Hoang Anh					An				

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



12:54

Group G-16

Round 2

Date 2026.7.18

Board 2

WHITE Zol-Uchral				FED MGL		2026-7-18 2		RESULT (W) 1	
BLACK Le Thai Hoang Anh				FED VIF				RESULT (B) 0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	Qe6	kP8	21			41			
2	Be5		22			42			
3			23			43			
4			24			44			
5			25			45			
6			26			46			
7			27			47			
8			28			48			
9			29			49			
10			30			50			
11			31			51			
12			32			52			
13			33			53			
14			34			54			
15			35			55			
16			36			56			
17			37			57			
18			38			58			
19			39			59			
20			40			60			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)			
Zol-Uchral				Le Thai Hoang Anh		An			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 1877

Group G16
Round 2
Board 2

WHITE zol-Uchral Erdenebaikhan				FED MGL				RESULT (a)			
BLACK Le Thai Hoang Anh				FED VIE				RESULT (b)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4 ¹³⁰	d5 ¹³⁰	21	Xde1	Hd7 ⁴⁰	41	Hd4	Hc6			
2	c4	e6	22	Tb3	Tf8 ⁸²	42	Vg3	Hc7			
3	Mc3	Mf6	23	Xe8 ⁵⁷	Xe8	43	Vf3	Hc6			
4	cd	ed ¹³¹	24	Me2 ³³	Me6	44	He4	Hc3			
5	Tg5 ¹³¹	C6 ¹⁸⁰	25	h4 ²⁷	Ta4 ²⁵	45	Te3	Hq1			
6	e3	Te7	26	Ta4 ²⁰	Ha4	46	Hd3	Hh1			
7	Td3	O-O	27	Mc3	Hc4 ²⁹	47	Vg3	He1			
8	Mge2 ¹³²	Mbd7 ¹²⁸	28	b3 ¹⁴	Hc6 ²⁴	48	Tf2	He7			
9	Hc2	Xe8	29	g4	Xe8	49	Te3	He5			
10	O-O	Mf8 ¹²⁷	30	Xg1	Hd6	50	Vh3	He6			
11	F3	g6 ¹²³	31	g5	Md4	51	Vg3	h5			
12	Xad1 ¹²⁹	Me6 ¹¹⁷	32	Vg2	Mf3	52	Hd4	Vh7			
13	Th4 ¹²⁴	b6 ¹⁰⁰	33	Vf3	Te5	53	Hf4	He7			
14	Hd2	Tb7	34	Md5	Xc1	54	Vf2	Vg8			
15	Tf2 ¹¹⁸	C5 ⁵⁸	35	Mf6	Vf8	55	Td4	f5			
16	Te2	cd ⁵¹	36	Het	Tf6	56	Hg5	Hd6			
17	Md4	Md4 ⁶⁰	37	gf	Hf6	57	Hf6	Hb2			
18	ed ¹⁰⁸	Tc6	38	Vg2	He6	58	Ve1	Hg3			
19	Xfe1	Mh5 ⁴⁸	39	Hq3	Vg7	59	Vd2	Hf5			
20	Xg5	Mg7 ⁴³	40	Hb7	Vg8	60	Vc2	Hb6			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Zol-Uchral				Le Thai Hoang Anh				An			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 1877

Group G16
Round 2
Board 2

WHITE zol-Uchral Erdenebaikhan				FED MGL				RESULT (a)			
BLACK Le Thai Hoang Anh				FED VIE				RESULT (b)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Hc6	Vf8	21			41					
2	Te5		22			42					
3			23			43					
4			24			44					
5			25			45					
6			26			46					
7			27			47					
8			28			48					
9			29			49					
10			30			50					
11			31			51					
12			32			52					
13			33			53					
14			34			54					
15			35			55					
16			36			56					
17			37			57					
18			38			58					
19			39			59					
20			40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Zol-Uchral				Le Thai Hoang Anh				An			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group 616							
Round 2							
Board 4							
Date 18.07.2026							
WHITE Dang Le Xuan Hien				FED VIE			
RESULT (W) 1				FED UZB			
BLACK Xikmatkhonova Bektiyor				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	h3	d5	21	d4	de	41	h6
2	c3	h8	22	h2	h5	42	h6
3	c4	e6	23	h5	h3	43	h5
4	h3	b6	24	h3	h8	44	b5
5	b3	cd6	25	h4	h6	45	b4
6	cd2	o-o	26	cd2	h6	46	h6
7	cd	cd	27	cd4	h5	47	h5
8	cd2	ab	28	h2	cd6	48	h3
9	oo	cd2	29	ab	h7	49	h6
10	h4	h6	30	h3	cd	50	cd
11	h1	h2	31	h2	h2	51	h6
12	cd3	h6	32	h2	h5	52	ab
13	h2	h3	33	h4	h8	53	ab
14	h3	cd3	34	h1	h6	54	b5
15	h3	h4	35	h5	h2	55	h2
16	h2	h3	36	h6	h8	56	h3
17	h2	cd	37	h2	h6	57	h4
18	h1	h2	38	h2	h6	58	h6
19	cd3	h6	39	h5	cd3	59	h4
20	de	h6	40	h2	h6	60	h4
SIGNATURE (WHITE) Hien				SIGNATURE (BLACK) [Signature]			
				SIGNATURE (ARBITER) [Signature]			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group 616							
Round 2							
Board 4							
Date 18.07.2026							
WHITE Dang Le				FED VIE			
RESULT (W) 1				FED UZB			
BLACK Xikmatkhonova Bektiyor				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	h3	d5	21			41	
2	h3	h8	22			42	
3	h3	h8	23			43	
4	h3	h8	24			44	
5			25			45	
6			26			46	
7			27			47	
8			28			48	
9			29			49	
10			30			50	
11			31			51	
12			32			52	
13			33			53	
14			34			54	
15			35			55	
16			36			56	
17			37			57	
18			38			58	
19			39			59	
20			40			60	
SIGNATURE (WHITE) Hien				SIGNATURE (BLACK) [Signature]			
				SIGNATURE (ARBITER) [Signature]			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
18/06

Group
G16
Round
0
Board
4

WHITE Dang Le Xuan Hien				FED VIE				RESULT (W) 1			
BLACK Xikmatkhonova Mokhinur				FED UZB				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	d5	130	Te4	d6	41	Xc6	d4	41	Tc6	1.
2	e3	Nf6	129	Md6	d4	42	Hb6	d3	42	Hc8	0.
3	c4	e6	128	Xc5	d3	9	Hc5	d8	43	Hb7	0.
4	Mc3	b6	117	Xc8	d4	44	a5	d8	44	Td7	0.
5	b3	Td6	116	Mc4	d4	45	b4	d8	45	Ha6	0.
6	Tb2	d8	116	Tb2	d8	46	Hb6	d8	46	Hc8	0.
7	cd	d7	116	Td4	d8	47	Tc5	d8	47	Hg8	0.
8	Td2	d6	109	Mb2	d8	48	Yg1	d8	48	Hd5	0.
9	0-0	d6	106	a4	d7	49	Hd6	d8	49	Hf5	0.
10	d4	d8	119	Md3	d7	50	e4	d8	50	Hc6	0.
11	Xc4	d8	115	Hd3	d6	51	Hc6	d8	51	Te6	1.
12	Td3	d8	113	f3	d5	52	a6	d8	52	Td7	1.
13	Ne2	d8	103	Hc4	d5	53	a7	d8	53	Tc6	1.
14	Mg3	d8	59	Xc1	d5	54	b5	d8	54	Tb7	1.
15	Rg	d8	59	Hc5	d5	55	Yf2	d8	55	Yg8	2.
16	Hc2	d8	56	Hb6	d4	56	Ve3	d8	56	Yf7	2.
17	Hc2	d8	53	Yf2	d8	57	Vd4	d8	57	g6	2.
18	Xg1	d8	49	Hb6	d8	58	Td6	d8	58	Ve6	3.
19	Ta3	d8	42	Hc5	d8	59	Vc5	d8	59	Vd7	3.
20	de	d8	42	Xc7	d8	60	g4	d8	60	Ta8	2.
SIGNATURE (WHITE) Hien				SIGNATURE (BLACK) Mokhinur				SIGNATURE (ARBITER) Xuan			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
18/07

Group
G16
Round
0
Board
4

WHITE Dang Le Xuan Hien				FED VIE				RESULT (W) 1			
BLACK Xikmatkhonova Mokhinur				FED UZB				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Tf8	d8	3			41			41		
2	gh	d8	3			42			42		
3	Tg7	d8	2			43			43		
4	Vb6	d8	2			44			44		
5						45			45		
6						46			46		
7						47			47		
8						48			48		
9						49			49		
10						50			50		
11						51			51		
12						52			52		
13						53			53		
14						54			54		
15						55			55		
16						56			56		
17						57			57		
18						58			58		
19						59			59		
20						60			60		
SIGNATURE (WHITE) Hien				SIGNATURE (BLACK) Mokhinur				SIGNATURE (ARBITER) Xuan			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

18/12/2026

Board

6

Result

1/2

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
#		#		#		#		#		#	
1	e4	c5	21	Ne3	Rd1	41	gf	ef			
2	Nf3	d6	22	Rd1	Rd8	42	B e8	Kf4			
3	c3	Nf6	23	c4	Rd8	43	BR5	g5			
4	Be2	g6	24	Qd1	Qd8	44	f3	g6			
5	O-O	Bg7	25	Qc1	KR7	45	Bd8	Bc5			
6	Qc2	Qc7	26	Nq4	Bg4	46	Bf7	kg5			
7	h3	O-O	27	hg	Neg	47	Bd5	h5			
8	d3	Nc6	28	Be3	Nd4	48	Be6	h5			
9	d4	Bd7	29	Bd4	cd	49	KP8	Kf4			
10	Be3	No5	30	Qd2	No4	50	Bd7	Ke5			
11	dc	dc	31	Qd4	= Qd4	51	Be8	Bf8			
12	Nbd2	Rf8	32	Nd4	B d5	52	Bd2	Kf4			
13	Roc1	RocP	33	Nb3	Nb3	53	Be6	Ke5			
14	Qb1	b6	34	cb	Kg7	54	Bd7	Bd3			
15	Rf1	Qb8	35	Bd3	Kf6	55	Be8	Bc5			
16	b4	Nb7	36	Be4	Bd6	56	Bd7				
17	b5	h6	37	Bd5	e6	57					
18	Nc4	Ne8	38	Be6	g5	58					
19	e5	Bc6	39	KR1	Ke5	59					
20	Rf4	Nc3	40	Ke2	f5	60					

SIGNATURE (WHITE)

SIGNATURE (BLACK)

SIGNATURE (ARBITER)

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

18-01-26

Board

6

Result

1/2

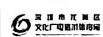
WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
#		#		#		#		#		#	
1	e4	c5	21	Rd1 Rd1	41	gfs	efs				
2	Nf3	dc	22	Rd1 Rd1	42	Qer	Qgr				
3	c3	Nf6	23	c4	Rxd8	43	Bu5	gm			
4	Be2	g6	24	ard1	ad8	44	q3	g3			
5	O-O	Bg7	25	ac1	u47	45	Qer	Qer			
6	Qc2	Qc7	26	Nq4	Bg4	46	Bf7	kg5			
7	h3	O-O	27	hgm	Neg	47	Bd8	h5			
8	d3	Nc6	28	Be3	Nd4	48	Be6	u4			
9	d4	Bd7	29	Bd4	cam	49	h4	kg4			
10	Be3	No5	30	Qd2	Nas	50	Bd7	ker			
11	dc	dc	31	Qd4	ard4	51	Rc8	Bf2			
12	Nbd2	Rf8	32	Nx4	Bxex	52	Bd7	kg4			
13	RQc1	Rac8	33	Nb3	Nxb3	53	Be6	ker			
14	Qb1	b6	34	Ab3	kg7	54	Bd7	Qe7			
15	Rf1	Qb8	35	Bd3	kg6	55	Bc8	Qer			
16	b4	Nb7	36	Bc4	Bd4	56	Bd7				
17	b5	h6	37	Ad5	e6	57					
18	Nc4	Ne8	38	Bc6	gr	58					
19	e5	Bc6	39	kg1	ker	59					
20	Rf4	Nc3	40	u2	f5	60					

SIGNATURE (WHITE)

SIGNATURE (BLACK)

SIGNATURE (ARBITER)

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

18/07/26

Group

G16

Round

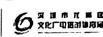
2

Board

7

WHITE Ebrahimi Rashti, Asal				FED IRI				RESULT (W) 1			
BLACK Aishath Iva Hassan				FED MDV				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Qxd7	Be7	41	b8=Q+Rxb8				
2	d4	d5	22	Nb3	f6	42	Rxb8	Kxc5			
3	e5	c5	23	f4	Kf7	43	Re8	Kd4			
4	Nf3	Nc6	24	a4	Ka8	44	Ba6	Kc5			
5	dxc5	e6	25	a5	Bd8	45	Bc8	C5			
6	Be3	Bd7	26	c6	bxc6	46	Rxe6+Kd4				
7	c3	Qc7	27	b6	Qb8	47	Bb7	Kc4			
8	Bd4	Nge7	28	Nc5	Bc8	48	Re5	d4			
9	h4	Ng6	29	b7	Bxb7	49	Rxb5	Kb4			
10	Qe2	h5	30	Rcb1	fxe5	50	Ba6	g6			
11	Qe3	NeNe7	31	fxe5	Ka7	51	R95	C4			
12	Bd3	Kc8	32	a6	Bc7	52	Bxc4				
13	Nbd2	Rh6	33	Qf2+	Ke7	53					
14	o-o	a5	34	Kxb7	Rxb7	54					
15	b4	axb4	35	axb7	Bxe5	55					
16	cxh4	Nc6	36	Ra8	Bh2+	56					
17	a3	Be7	37	Kh1	Rf6	57					
18	Rdcl	Nxh4	38	Rxb8	Rxf2	58					
19	Nxh4	Bxh4	39	Kxf2	Rb2	59					
20	b5	Nxh4	40	Ra1	Kd6	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

18/07/26

Group

G16

Round

2

Board

7

WHITE Ebrahimi Rashti, Asal				FED IRI				RESULT (W) 1			
BLACK Aishath Iva Hassan				FED MDV				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Qxd7	Be7	41	b8=Q+Rxb8				
2	d4	d5	22	Nb3	f6	42	Rxb8	Kxc5			
3	e5	c5	23	f4	Kf7	43	Re8	Kd4			
4	Nf3	Nc6	24	a4	Ka8	44	Ba6	Kc5			
5	dxc5	e6	25	a5	Bd8	45	Bc8	C5			
6	Be3	Bd7	26	c6	bxc6	46	Rxe6+Kd4				
7	c3	Qc7	27	b6	Qb8	47	Bb7	Kc4			
8	Bd4	Nge7	28	Nc5	Bc8	48	Re5	d4			
9	h4	Ng6	29	b7	Bxb7	49	Rxb5	Kb4			
10	Qe2	h5	30	Rcb1	fxe5	50	Ba6	g6			
11	Qe3	NeNe7	31	fxe5	Ka7	51	R95	C4			
12	Bd3	Kc8	32	a6	Bc7	52	Bxc4				
13	Nbd2	Rh6	33	Qf2+	Ke7	53					
14	o-o	a5	34	Kxb7	Rxb7	54					
15	b4	axb4	35	axb7	Bxe5	55					
16	cxh4	Nc6	36	Ra8	Bh2+	56					
17	a3	Be7	37	Kh1	Rf6	57					
18	Rdcl	Nxh4	38	Rxb8	Rxf2	58					
19	Nxh4	Bxh4	39	Kxf2	Rb2	59					
20	b5	Nxh4	40	Ra1	Kd6	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 12.2.2026 Board 8

WHITE				BLACK				WHITE				BLACK				WHITE				BLACK			
Syeda Mikhail A. R.				Jasylkhan Asyga				FED PAK				RESULT (W) 0				FED KAZ				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Rc2	a4	41																	
2		a4	22		Ba6	42																	
3	e4	Nf6	23	Rf3	Bc1	43																	
4		a5	24	Ke2	Nh4	44																	
5	Nb3	e4	25	Kd1	Nf3	45																	
6	Rc4	Qh4	26		Bh4	46																	
7	Nh4	Ba5	27	Ke2	Nf3	47																	
8	Nb3	Nf6	28	Nf1	Ke2	48																	
9	Bc4	Bc1	29	Rc1	Nh4	49																	
10	Ke2		30	Ke3	Nh3	50																	
11	h3	Nf6	31	Ke1	Rac8	51																	
12	Nf5	Nf6	32	Ke2	Ke2	52																	
13	Bd4	Ke2	33	Bc2	Ng5	53																	
14	Bc4	h4	34	Nf3	h4	54																	
15	Kd1	h4	35	Nf3	Ke2	55																	
16	Nh3	Rc1	36	Bc1	Rc1	56																	
17	Nf2	c6	37	e4	Ke2	57																	
18	Rb1	Bc1	38	de	Ke2	58																	
19	Rf1	B5	39	Ke4	g5	59																	
20	Bd3	Nb3	40			60																	
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)															
								YV															

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 12.2.2026 Board 8

WHITE				BLACK				WHITE				BLACK				WHITE				BLACK			
Syeda Mikhail Abdul Rehman				Asiya Asyylkhan				FED PAK				RESULT (W) 0				FED KAZ				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Bc2	b4	41																	
2	c4	dxc4	22	Nd2	Ba6	42																	
3	e4	Nf6	23	Rf3	Bxc2	43																	
4	Nc3	e5	24	Kxe2	Nd4	44																	
5	Nf3	exd4	25	Kd1	Nxf3	45																	
6	Qxd4	Qxd4	26	gxf3	Bf4	46																	
7	Nxd4	Bc5	27	gxf3	Ke2	47																	
8	Nc3	Ng4	28	Ne1	Bxc1	48																	
9	Bxc4	Bxf2	29	Rxc1	Nf4+	49																	
10	Ke2	Bb6	30	Kxe3	Nxh3	50																	
11	h3	Nf6	31	Ba4	Rac8	51																	
12	Ng5	Nc6	32	Rxc6	Rxc6	52																	
13	Bxf7	Ke7	33	Rxc6	Ng5	53																	
14	Bc4	Nd4	34	Ng3	Ne6	54																	
15	Kd1	h6	35	Nf5	BNe6	55																	
16	Nf3	Rd8	36	Bd5	Rxd5	56																	
17	Nd2	c6	37	exd5	Kxf5	57																	
18	Rb1	Bc7	38	dxe6	Kxe6	58																	
19	Rf1	b5	39	Ke4		59																	
20	Bd3	Ne6	40			60																	
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)															
								YV															

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 18.07.26

Group G-16
Round 2
Board 9

WHITE Shishkareva				FED RUS				RESULT (W) 1			
BLACK Liu, Dijia				FED CHN				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	h4	g4	21	ne5+	kp8	41	de	kp5			
2	kb8	g4+	22	n:e4	kp85	42	kp+6				
3	kp8	ne2	23	ne5+	kp+6	43					
4	ke6+	kp+4	24	ne5	ne2	44					
5	ke4	kp+8	25	kp+1	ne+1	45					
6	k:h5	h+5	26	kp8	ne6	46					
7	ne3	kp+4	27	ne2	kp6	47					
8	ke4	ke6	28	g3	g+	48					
9	kp+1	ne+1	29	kp+4	kp6	49					
10	kp8	ne+1	30	kp8	ne5	50					
11	kp+1	ke4	31	g4	ne5	51					
12	ke3	kp+6	32	kp+4	ne8	52					
13	ne6	kp+5	33	ne5	ne4	53					
14	ne8	ne2	34	g5	ne+1	54					
15	ne+1	kp85	35	ne+1	ne4	55					
16	ke5	ne2	36	ne+1	kp+4	56					
17	k:e4+	de	37	g6	ne8	57					
18	ne8	ne+1	38	kp+5	kp8	58					
19	kp+2	ne+1	39	ne+1	kp6	59					
20	kp8	ne+1	40	g4	ke5	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
[Signature]				Liu, Dijia				[Signature]			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 18.07.26

Group G-16
Round 2
Board 9

WHITE Shishkareva				FED RUS				RESULT (W) 1			
BLACK Liu, Dijia				FED CHN				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	qh5	qf5	41	ke6	ne2			
2	c4	eb	22	q:f5	k:f5	42	ke5	ne2			
3	ke3	ke6	23	ke3	ke4	43	ke6	ne2			
4	cd	ed	24	d3	kp8	44	kp+1	ne+1			
5	ce5	ce7	25	ke3	ke6	45	kp8	ne2			
6	e3	0-0	26	h4	h5	46	kp+1	ne2			
7	cd3	ce6	27	ke4	g6	47	ne8+	kp+4			
8	qce2	h6	28	ke2	kp+4	48	ke8+	kp8			
9	ch4	b6	29	ke4	ne6	49	ne7	kp+8			
10	ke2	ce6	30	d4	d5	50	ne7	ne2			
11	0-0	c:d3	31	ke65	ke6	51	kp+1	kp8			
12	q:d3	ke6+	32	ne6	ne7	52	ke6	ne2			
13	ne6	ke4	33	b4	k:f4	53	ne7	ne2			
14	c:e7	q:e7	34	k:f4	ke6	54	ne8+	kp+4			
15	ne2	ne8	35	ne6	ne8	55	ke8+	kp8			
16	ne6	ke6	36	ne6	ne4	56	ne8	ne2			
17	ke4	ne8	37	ne6	ne4	57	ne7	kp+8			
18	qd1	ke6	38	g3	ne2	58	ke7	ne+1			
19	qd4	kp8	39	ne2	ne2	59	kp8	ne2			
20	ke2	ke7	40	ne7	kp8	60	kp+3	g5			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
[Signature]				Liu, Dijia				[Signature]			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026.7.18

Board 9

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Shishkareva		Liu, Dijia		RUS		CHN		RESULT (W)		RESULT (B)	
#		#		#		#		#		#	
1	h05	fg5	21	Re5	Ke6	41	cd5	kd5			
2	Nd3	g4	22	Re4	K05	42	Ke6				
3	Qd2	RC2	23	Re3	Ke6	43					
4	Ne6	Ke7	24	Re5	RA2	44					
5	Nf4	Ke8	25	Ke1	Ra1	45					
6	Nh5	Nh5	26	Ke2	Re6	46					
7	Re3	Ke7	27	RC2	Ke6	47					
8	Nf4	Nb6	28	f3	g3	48					
9	Ke1	Rc1	29	Ke3	Kd6	49					
10	Ke2	RC2	30	Ke4	Re5	50					
11	Ke1	Ne4	31	g4	Re5	51					
12	Nd3	Ke6	32	Ke4	Re8	52					
13	Re6	Ke5	33	Re5	Re1	53					
14	Re8	Rd2	34	Re5	Rf7	54					
15	Re8	Ke5	35	Re5	Rg7	55					
16	Nb3	Re2	36	Re6	Kd7	56					
17	Ne4	Re4	37	Re6	Ke8	57					
18	Re8	Rc1	38	Ke5	Ke7	58					
19	Ke2	Rf1	39	Rf7	Kd6	59					
20	Ke2	Rc1	40	g7	C5	60					
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)							
		Liu, Dijia		1/2							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026.7.18

Board 9

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Shishkareva, Anastasiya		Liu, Dijia		RUS		CHN		RESULT (W)		RESULT (B)	
#		#		#		#		#		#	
1	d4	d5	21	Qh5	Qf5	41	Ne6	RC2			
2	C4	e6	22	Qf5	Nf5	42	Nc5	RC2			
3	Nc3	Nf6	23	Nd3	Ne7	43	Ne6	RC2			
4	cd5	ed5	24	Q3	K08	44	Kf1	RC4			
5	Bg5	Be7	25	Nc3	f6	45	Ke2	RC2			
6	e3	O-O	26	h4	h5	46	Ke1	RC2			
7	Bd3	C6	27	Nf4	g6	47	Rd4	Ke7			
8	Qc2	h6	28	Na2	Kf7	48	Nd8	Kg7			
9	Bh4	b6	29	Nb4	Rd6	49	Rb7	Kf8			
10	Nge2	Ba6	30	Q4	Q5	50	Rc7	RC2			
11	O-O	Bd3	31	Nb4	Na6	51	Kf1	Ke6			
12	Qd3	Nb7	32	Rb1	Rd7	52	Ne6	RC2			
13	Ra1	Ne4	33	b4	Nb4	53	Rb7	RC2			
14	Be7	Qe7	34	Nb4	Qb4	54	Rb8	Kf7			
15	Ra2	Ra8	35	Rb4	Ra8	55	Nd8	Kg8			
16	Rfc1	Nb8	36	Rb6	Ra4	56	Ra8	Rb2			
17	Nf4	Re8	37	Rb8	Rd4	57	Rd7	Kf8			
18	Qd1	Nd6	38	Q3	Ra2	58	Nb7	Rb1			
19	Qd4	Kh8	39	Rd2	Ra2	59	Ke2	Rb2			
20	Nce2	Qd7	40	Rb7	Ke8	60	Kd2	Q5			
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)							
		Liu, Dijia		1/2							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026.7.18 Board 10.

WHITE Mohd Afif, Ainal Marhiah				FED MAS				RESULT (W) 1/2			
BLACK Wu Yiting				FED CHN				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	C4	eb	21	Rd4	ba	41	leg	kg			
2	g3	ds	22	ba	Nbb	42	Re8	legb			
3	Bg2	Nfb	23	Re5	Nay	43	f3	Rab			
4	Nfs	Be7	24	Re7	bs	44	leg	Rav			
5	O-O	O-O	25	Bf1	Ncb	45	Re6	Rab			
6	b3	cs	26	Ra8	Ra8	46	Rb4	Pcb			
7	cd	Nds	27	es	Rc8	47	Rb5	Re4			
8	Bbr	Ncb	28	Rb7	lfe8	48	leg3	Rcb			
9	ole	cd	29	Rbs	Nbs	49	h4	gh			
10	Ndy	Ndy	30	Rbs	ke7	50	lch4	Rab			
11	Bd4	Nfb	31	leg2	keb	51	leg4	lfb			
12	ey	Bd4	32	g4	Rc4	52	Rfs	legb			
13	Bd4	Nb7	33	kg3	gf	53	Rgs	lfb			
14	Qeb	es	34	kg3	Rbb	54	Rbs	Rcb			
15	Ncb	Be6	35	Rhb	fs	55	f4	Rab			
16	Rfch	Qbb	36	gf	lfs	56	Rhs	legb			
17	Qbb	ab	37	Rh7	Rg4	57	fs	lch			
18	Nay	Nc8	38	lfs	Rft	58	Rh7	kg8			
19	Rdr	Bb3	39	kg2	kgb	59	Rd7	lfb			
20	ab	bs	40	Rh8	Rfb	60	leg5	Rbb			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
				Wu Yiting							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

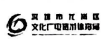


Date 4-2-2028 Board 10

WHITE Ainal Marhiah				FED MAS				RESULT (W) 1/2			
BLACK Wu Yiting				FED CHN				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Ra7	Rc6	21			41					
2	Ra6	Re7	22			42					
3	Ra6	Re5	23			43					
4	Ra7	Re5	24			44					
5	Re7	Re5	25			45					
6	Rd7	Ra6	26			46					
7	Re4	Ra6	27			47					
8	Re5	Ra6	28			48					
9	Re8	Ra6	29			49					
10	Rd6	Ra6	30			50					
11	Rd6	Ra6	31			51					
12	Re5	Ra6	32			52					
13	Re5	Ra6	33			53					
14	Re5	Ra6	34			54					
15	Re5	Ra6	35			55					
16			36			56					
17			37			57					
18			38			58					
19			39			59					
20			40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
				Wu Yiting				1/2			

12:30

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Date
18.07.2026

Group
G16
Round
2
Board
10

WHITE Ainul Mardiah Mardiah				FED MAS				RESULT (W)			
BLACK Wu Yiting				FED CHN				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	e6	21	Rad	b2a	41	K93	h32			
2	g3	d5	22	b2a	Nb6	42	Re8	K96			
3	B92	Nc6	23	Re5	Nap	43	A3	R42			
4	Nf3	Re7	24	Re7	K	44	K94	R42			
5	0-0	0-0	25	Bf2	Nc3	45	Re4	R46			
6	b3	c5	26	R48	R48	46	R44	R48			
7	cxd5	Nxd5	27	50	R48	47	K45	R48			
8	Bb2	Nc6	28	Rb7	R48	48	K93	R48			
9	d4	cxd4	29	Bxb5	Nx5	49	h4	h4			
10	Nxd4	Nxd4	30	R48	Re7	50	K44	R48			
11	Bd4	Rf6	31	K92	K48	51	K94	K48			
12	e4	Rd4	32	g4	R44	52	R45	K48			
13	Qxd4	Ne7	33	K93	g5	53	R45	K48			
14	Qe3	e5	34	R48	h45	54	R45	R48			
15	Nc3	Bd4	35	R46	f5	55	f4	R48			
16	Rfd1	Qb6	36	g45	h45	56	R45	K48			
17	Qxb6	axb6	37	R47	R44	57	f5	h47			
18	N44	Nc8	38	R45	R44	58	R42	K48			
19	Rd2	R45	39	K92	K98	59	R42	K48			
20	axb3	b5	40	R48	R48	60	K95	R48			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Wu Yiting				Wu Yiting				Wu Yiting			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Date
20.07.18

Group
G16
Round
2
Board
10

WHITE Mehd Afif, Ainul Mardiah				FED MAS				RESULT (W)			
BLACK Wu Yiting				FED CHN				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Ra7	Rcb	21			41					
2	Ra8	Kf7	22			42					
3	Ra7	Kf8	23			43					
4	Ra7	Kg8	24			44					
5	Re7	Kf8	25			45					
6	Rd7	Rab	26			46					
7	Kf4	Raf	27			47					
8	Kes	Raf	28			48					
9	Keb	Rab	29			49					
10	Rdb	Rdb	30			50					
11	Kdb	Kf7	31			51					
12	Kes	Kel	32			52					
13	fb	Kf7	33			53					
14	Kfs	Kfs	34			54					
15	Keb	Keb	35			55					
16			36			56					
17			37			57					
18			38			58					
19			39			59					
20			40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Wu Yiting				Wu Yiting				Wu Yiting			

28th Asian Youth Chess Championships 2026 2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026/07/18

Group G16
Round 02
Board 11

WHITE Perera B Yenuthi Sahanee				FED SRI				RESULT (W) 1			
BLACK Ding Xinyi				FED CHN				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3.	d5.	21	Qf2. 0:28	Qe7. 0:28	41					
2	g3.	Bgt.	22	Rg1+. 0:19	Kh8.	42					
3	d4	c6.	23	Rg5. 0:12	Ng7. 0:12	43					
4	Bg2	Nd7	24	Rg1. 0:10	Rg8.	44					
5	ct	eb.	25	Qg9.	R(a)f8.	45					
6	o-o.	Nf6.	26	Bag. 0:09	cs.	46					
7	Nc3d2.	Bd6.	27	Bxc5.	Qxc5.	47					
8	b3.	o-o.	28	Rxg7.	Qc8. 0:19	48					
9	Bb2.	Re8	29	Qg5. 0:09	Qd8.	49					
10	Ne5.	Bf5. 1:18	30	Rxh7+.	Kxh7.	50					
11	f3. 1:12	Ne4. 1:15	31	Qh5#		51					
12	Nxe4. 1:03	Bxe4.	32			52					
13	Bxe4.	dxe4.	33			53					
14	Qc2. 1:00	f5.	34			54					
15	R(a)d1. 0:46	Nf6. 1:10	35			55					
16	f4. 0:44	Nh6. 0:51	36			56					
17	Kh2. 0:43	Qb. 0:49	37			57					
18	es. 0:42	Qxf4. 0:41	38			58					
19	Qxf4. 0:39	Bxe5. 0:51	39			59					
20	dxe5. 0:39	Ch4. 0:37	40			60					
SIGNATURE (WHITE) <i>Yenuthi Sahanee</i>				SIGNATURE (BLACK) <i>Ding Xinyi</i>				SIGNATURE (ARBITER) <i>YV</i>			

28th Asian Youth Chess Championships 2026 2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

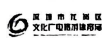


Date 2026.8.19

Group G16
Round 2
Board 11

WHITE Perera B Yenuthi Sahanee				FED SRI				RESULT (W) 1			
BLACK Ding Xinyi				FED CHN				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	d5	21	Qf2 28	Qe7 29	41					
2	g3	Bg4	22	Rg1 19	Kh8	42					
3	d4	c6	23	Rg5 12	Ng7 27	43					
4	Bg2	Nd7	24	Rg1 10	Rg8	44					
5	ct	eb	25	Qg2	Rf8 21	45					
6	o-o	Nf6	26	Bg3	c5 19	46					
7	Nbd2	Bd6	27	f5	Qc5	47					
8	b3	o-o	28	Rg7	Qc8	48					
9	Bb2	Re8	29	Qf5	Qd8	49					
10	Ne5	Bf5	30	Rh7	1:17	50					
11	h3	Ne4	31	Qh5		51					
12	Ne4	Be4	32			52					
13	Be4	de	33			53					
14	Qc2	f5	34			54					
15	Rad1	Nf6 1:10	35			55					
16	f4	Nh5 1:10	36			56					
17	Kh2	g5 49	37			57					
18	e3	g7 42	38			58					
19	gf	Be5 41	39			59					
20	Qde 37	Qh4 37	40			60					
SIGNATURE (WHITE) <i>Yenuthi Sahanee</i>				SIGNATURE (BLACK) <i>Ding Xinyi</i>				SIGNATURE (ARBITER) <i>YV</i>			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
2026/07/18

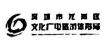
Group
A16

Round
2

Board
12

WHITE Vu Nguyen Bao Linh				FED VIE				RESULT (W) 0			
BLACK Jie Jingfei				FED JPN				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Bd4	Qh5	41	Bc5	Rxc4			
2	d4	d5	22	c5	Bc7	42	Kxc4	Kc7			
3	Nc3	dxe4	23	Qc4	Rd5	43	b4	axb4			
4	Nxe4	Bf5	24	Rd3	Bb8	44	Bxb4	Kxc6			
5	Ng3	Bg6	25	Rc1	Rxh5	45	Nd4+	Kb6			
6	h4	h6	26	ph3	Qc7	46	a4	Bd6			
7	h5	Qh7	27	c6	b5	47	Bd2	Kb7			
8	Nf3	Nd7	28	Qb4	Nd5	48	Nb3	Ka6			
9	Bd3	Bxd3	29	Qc5	b4	49	Be3	g5			
10	Qxd3	Ngf6	30	Ra5	Qxas	50	g4	Rd1			
11	Bf4	e6	31	Qxe5	Nc3+	51	f3	f5			
12	0-0-0	Nd5	32	Bxc3	Rxa5	52	a5	fxc4			
13	Bd2	Qc7	33	Bxb4	Rd5	53	fxg4	Re1			
14	c4	Nqf6	34	Bc5	Rhd8	54	Kd1	Bb4			
15	Kb1	0-0-0	35	Be7	Bf4	55	Bf2	Rb1			
16	Ne4	Nxe4	36	Rc4	Rd1+	56	Nd4	Bc6			
17	Qxe4	Nf6	37	Kc2	Rc1+	57	Kc4	Bxd4			
18	Qe2	c5	38	Kb3	Rd3+	58	Bxd4	Re1			
19	Bc3	Bd6	39	Kb4	a5+	59	Bg7	Re4+			
20	Qxc5	Qxc5	40	Kb5	Rd5+	60	Kc5	Rxg4			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
2026/07/18

Group
A16

Round
2

Board
12

WHITE Vu Nguyen Bao Linh				FED VIE				RESULT (W) 0			
BLACK Jie Jingfei				FED JPN				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Bxh6	Rg1	21			41					
2	Kd4	g4	22			42					
3	Kc3	Rf1	23			43					
4	Bf4	e5	24			44					
5	Bh2	Rh1	25			45					
6	Bg3	Rh3	26			46					
7	Kf2	e4	27			47					
8	Bc7	Rc3	28			48					
9	Bb6	Rf3+	29			49					
10	Kc2	g3	30			50					
11	Bc5	g2	31			51					
12	Bf2	Kxa5	32			52					
13	Bd4	Rf1	33			53					
14			34			54					
15			35			55					
16			36			56					
17			37			57					
18			38			58					
19			39			59					
20			40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

12045



Group	G16
Round	2
Board	12

WHITE		Vũ Nguyễn Bảo Linh		FED		VIE		RESULT (W)		0	
BLACK		Trie Tungwei		FED		IPN		RESULT (B)		1	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Bb6	Rg1	21			41					
2	Kd4	g4	22			42					
3	Ke3	Rf1	23			43					
4	Bf4	e5	24			44					
5	Bb2	Rh1	25			45					
6	Bg3	Rh3	26			46					
7	Kg2	e4	27			47					
8	Bc2	Rc3	28			48					
9	Bb6	Rf3	29			49					
10	Ke2	g3	30			50					
11	Bc5	g2	31			51					
12	Bf2	Ka5	32			52					
13	Bd4	Rf1	33			53					
14			34			54					
15			35			55					
16			36			56					
17			37			57					
18			38			58					
19			39			59					
20			40			60					
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
											

12246



Group	G10
Round	2
Board	12

WHITE		FED		18/126		RESULT (R)	
BLACK		FED		JPN		RESULT (B)	
Vu Nguyen Bao Linh		Tie Jungaei		VIE		O	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	e4	c6	21	Bd4	Qa5	41	Bc5
2	d4	a5	22	c5	Bc7	42	Kc4
3	Nb3	de	23	Qd4	Rd5	43	ab
4	Ne4	Bf5	24	Rd8	Bb8	44	Bb4
5	Ng3	Bg6	25	Rc1	Rb5	45	Nd4
6	h4	h6	26	Ra3	Qc7	46	a4
7	h5	Bh7	27	c6	b5	47	Bd2
8	Nf3	Na7	28	Qb4	Nd5	48	Nb3
9	Bd3	Bd3	29	Qd5	b4	49	Bc3
10	Qd3	Ng6	30	Ra5	Qa5	50	g4
11	Bf4	e6	31	Qa5	Nc3	51	f3
12	0-0-0	Nd5	32	Bc3	Ra5	52	a5
13	Bd2	Qc7	33	Bb4	Rd5	53	fg
14	o4	N5f6	34	Bc5	Rh48	54	Kd3
15	Kb1	0-0-0	35	Bc7	Bf4	55	Bf2
16	Ne4	Nb4	36	Rc4	Rd1	56	Nd4
17	Qe4	Nf6	37	Kc2	Rc1	57	Kc4
18	Qe2	c5	38	Kb3	Rd3	58	Bd4
19	Bb3	Bd6	39	Kb4	a5	59	Bg7
20	de	Qd5	40	Kb5	Rd5	60	Kc5
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 18/02

Group G16
Round 2
Board 13

WHITE Sasirat Tarnokanijana				FED THA				RESULT (W) 0			
BLACK Hoang Nguyen Giang				FED VIE				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Qf5	Qxf5	41	Ne5	Ke4			
2	d4	d5	22	Nxf5	Nd3	42	Nf3	f5			
3	Nd2	Be7	23	Bc1	d6	43	Nf4	Nf6			
4	Be3	c5	24	b2	Nf2	44	Kf2	Ra3			
5	dc5	Nf6	25	Rf2	Re1	45	Kf2	g5			
6	d5	cd5	26	Kh2	Bxf2	46	g3	f4			
7	Nf3	Be5	27	Bf4	Kf	47	gf	gf			
8	O-O	O-O	28	Nf4	Be1	48	Nf3	Ra1			
9	Nb3	Bb6	29	O	Bc3	49	Ke1	Kf5			
10	Bg5	Nb6	30	Nb3	Be5	50	Kf1	h6			
11	c3	Bg4	31	Bb	Nb	51	Ku1	Ke4			
12	Be2	Aa2 Be2	32	e5	Nd3	52	Nd2	Ra2			
13	N14	Be2	33	c6	b6	53					
14	Ne2	Qd6	34	Ne7	Kf6	54					
15	Bf4	Bf4 Qd7	35	Nc6	Rd7	55					
16	Ng3	Ra8	36	kg3	Bc7	56					
17	Re1	Qd7	37	Nd4	Nb5	57					
18	Qd3	Ng4	38	Nc1	Rc1	58					
19	Re1	d4	39	Naf	(R)	59					
20	h3	Ng5	40	Nc6	Ra2	60					
SIGNATURE (WHITE) <i>S. T.</i>				SIGNATURE (BLACK) <i>H. N.</i>				SIGNATURE (ARBITER) <i>h</i>			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 18/02

Group G16
Round 2
Board 13

WHITE Tawankawiana Sasirat				FED THA				RESULT (W) 0			
BLACK Hoang Nguyen Giang				FED VIE				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6 1:30	21	Qf5	Qf5 0:57	41	Nb6	Ra2			
2	d4	d5 1:31	22	Nf5	Nd3 0:56	42	Nes	Ne Ke4			
3	Nd2	Be7 1:31	23	Be1	dc 0:55	43	Nf3	f5			
4	Bd3	c5 1:32	24	bc	Nf2 0:53	44	Nd4	Kf6			
5	dc	Nf6 1:32	25	Rf2	Re1 0:53	45	Kf3	Rg3			
6	ed	ed 1:32	26	Kh2	Bf2 0:53	46	Kf2	g5			
7	Ngf3	Be5 1:32	27	Bf4	Ra1	47	g3	xf			
8	O-O	O-O 1:33	28	Na1	Be1	48	g4	g4			
9	Nb3	Bb6 1:33	29	c4	Bc3	49	Nf3	Ra2			
10	Bg5	Nc6 1:33	30	Nb3	Bc3	50	Ke1	Kf5			
11	c3	Bg4 1:32	31	Be4	Ne5	51	Kf1	h6			
12	Re2	Re2 Re2 1:34	32	c5	Nd3	52	Ke1	Ke4			
13	Nd4	Be2 1:26	33	cb	bc	53	Nd2	Rd2			
14	Ne2	Qd6 1:24	34	Ne1	Kf6	54					
15	Bf4	Qd7 1:23	35	Nb6	Rd7	55					
16	Ng3	Rd8 1:21	36	Kf3	Rf	56					
17	Re1	Qd7 1:17	37	Nd4	Nc1	57					
18	Qd3	Ng4 1:11	38	Nf5	Rc2	58					
19	Rf1	d4 1:01	39	Nc1	Rc1	59					
20	h3	Nd5 0:58	40	Na1	Ra1	60					
SIGNATURE (WHITE) <i>T. S.</i>				SIGNATURE (BLACK) <i>H. N.</i>				SIGNATURE (ARBITER) <i>Y</i>			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



White		Black		Round		Date		Time	
Theephaed R P		JTB		G-15		28-07-2026		14	
Maringga Capiya		TJE		02		15:00		14	
#	White	Black	#	White	Black	#	White	Black	#
1	E4 (82)	E6 (82)	21	f3 (10)	Rd4 (21)	41			
2	d4 (82)	d5 (82)	22	Bd5 (12)	Nf3 (21)	42			
3	Nc3 (82)	Bb4 (82)	23	Bxf3 (12)	e2f3 (21)	43			
4	e5 (82)	f5 (82)	24	A6 (12)	Nf3 (21)	44			
5	a3 (82)	Bxf3 (12)	25	A7 (12)	Kf4 (21)	45			
6	Bxc3 (82)	Nc2 (21)	26	Bf6 (12)	Ke5 (12)	46			
7	Bxf3 (82)	Bc2 (21)	27	Rd4 (12)		47			
8	Bxf3 (82)	A7c2 (21)	28	B1a2 (12)	Kd4 (21)	48			
9	Nc2 (82)	A7c2 (21)	29			49			
10	Qxf3 (82)	Rd4 (21)	30			50			
11	Qxf3 (82)	Qd5 (21)	31			51			
12	Bf4 (82)	Qf6 (21)	32			52			
13	Rd4 (82)	Nc2 (21)	33			53			
14	Bd5 (82)	Qd5 (21)	34			54			
15	Qd5 (82)	Nf3 (21)	35			55			
16	Qf6 (82)	Qd5 (21)	36			56			
17	Qd5 (82)	Nf3 (21)	37			57			
18	A6 (82)	Nf3 (21)	38			58			
19	Bd5 (82)	Nf3 (21)	39			59			
20	Kf4 (82)	Rd4 (21)	40			60			
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)					
E		JTB		Y					

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



White		Black		Round		Date		Time	
Theephaed R P		IND		G-15		28-07-2026		14	
Maringga Capiya		TJE		02		15:00		14	
#	White	Black	#	White	Black	#	White	Black	#
1	E4 (82)	E6 (82)	21	f3 (10)	Rd4 (21)	41			
2	d4 (82)	d5 (82)	22	Bd5 (12)	Nf3 (21)	42			
3	Nc3 (82)	Bb4 (82)	23	Bxf3 (12)	e2f3 (21)	43			
4	e5 (82)	f5 (82)	24	A6 (12)	Nf3 (21)	44			
5	a3 (82)	Bxf3 (12)	25	A7 (12)	Kf4 (21)	45			
6	Bxc3 (82)	Nc2 (21)	26	Bf6 (12)	Ke5 (12)	46			
7	Bxf3 (82)	Bc2 (21)	27	Rd4 (12)		47			
8	Bxf3 (82)	A7c2 (21)	28	B1a2 (12)	Kd4 (21)	48			
9	Nc2 (82)	A7c2 (21)	29			49			
10	Qxf3 (82)	Rd4 (21)	30			50			
11	Qxf3 (82)	Qd5 (21)	31			51			
12	Bf4 (82)	Qf6 (21)	32			52			
13	Rd4 (82)	Nc2 (21)	33			53			
14	Bd5 (82)	Qd5 (21)	34			54			
15	Qd5 (82)	Nf3 (21)	35			55			
16	Qf6 (82)	Qd5 (21)	36			56			
17	Qd5 (82)	Nf3 (21)	37			57			
18	A6 (82)	Nf3 (21)	38			58			
19	Bd5 (82)	Nf3 (21)	39			59			
20	Kf4 (82)	Rd4 (21)	40			60			
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)					
E		JTB		Y					

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group
G16
Round
2

Date
17.7.26
Board
15

WHITE Feng, Sophia				FED NZL				RESULT (W)			
BLACK Keanapmaroon, Arittaya				FED THA				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	rc7	rc8	41					
2	c4	e6	22	rdc1	rac8	42					
3	nc3	nf6	23	kf1	kf8	43					
4	bgs	nbd7	24	ke2	rc7	44					
5	e3	be7	25	rc7	rd7	45					
6	nf2	h6	26	rc1	ke7	46					
7	bh4	c6	27	h3	a6	47					
8	bd2	o-o	28	g4	e6	48					
9	o-o	dc	29	h4	nd5	49					
10	bca	nds	30	g4	nf4	50					
11	be7	ae7	31	kg	nd	51					
12	bd2	nc2	32	rd2	ne7	52					
13	ae2	c5	33	ke2	rc7	53					
14	rfd1	cd	34	nc2		54					
15	rd4	nb6	35			55					
16	bb3	bd7	36			56					
17	rac1	ba4	37			57					
18	bn4	nm4	38			58					
19	ac2	nb6	39			59					
20	ac7	2c7	40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group
G16
Round
2

Date
18.07.2026
Board
15

WHITE Feng, S.				FED NZL				RESULT (W)			
BLACK Arit-Hay2 K.				FED THA				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Rxc7	Rfd8	41					
2	c4	e6	22	Rdc1	Rbc8	42					
3	Nc3	Nf6	23	Kf1	Kf8	43					
4	Bg5	Nbd7	24	Ke2	Rxc7	44					
5	e3	Be7	25	Rxc7	Rd7	45					
6	Nf3	h6	26	Rc1	Ke7	46					
7	Bh4	c6	27	h3	g6	47					
8	Bd3	o-o	28	g4	g6	48					
9	o-o	dxc4	29	h4	Nd5	49					
10	Bxc4	Nd5	30	a4	Nf4+	50					
11	Bxc7	Qxe7	31	Kf3	Nd5	51					
12	Qd2	Nxc3	32	R2	Ne1+	52					
13	Qxc3	c5	33	Ke2	NxR	53					
14	Rfe1	cxd4	34	NxR		54					
15	Nxc4	Nb6	35			55					
16	Bb3	Bd7	36			56					
17	Roc1	Bg4	37			57					
18	Bg4	Nxg4	38			58					
19	Qc2	Nb6	39			59					
20	Qc7	Qxc7	40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

13044

Group G/6									
Round 2									
Date 7.18 Board 16									
WHITE Zhu Yanxiao					FED CHN RESULT (W) 0				
BLACK Berdikoeva Edisa					FED KGZ RESULT (B) 1				
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	e4	e6	21	Re1044	Re2	41	Ce61	Re1	
2	d4	d5	22	Qe2058	h6057	42	Bc1	Uc4	
3	ed	ed	23	Qb3050	Nc430	43	Kc4	h61	
4	Bf4132	Nc6126	24	Qb6027	Qf7057	44	Q4	h61	
5	Nc3	Bb4125	25	Qf1025	Re8052	45	Bf4	Uc4	
6	Bb1130	Bc3123	26	Re8021	Qe8032	46	Qc1	Cf5	
7	b1130	Ng67128	27	Re4016	b1029	47	Qe8	Qc4	
8	h3128	0-0125	28	Qg4015	Kb8027	48	Qf7	Qc1	
9	Nc2124	Bf1118	29	h4011	Nb6022	49	1c8	Qc1	
10	0-0124	a6	30	1d2018	Na4018	50	1c2	Qc2	
11	Re6121	Nc6111	31	Qh3017	Kb8014	51	1c8	Qc1	
12	Ng3122	Rb6116	32	h4h506	Nb6018	52	1ch4	Qc4	
13	Re1109	Na7109	33	Qg4016	1c48018	53	1c8	Qc4	
14	Qe2019	1b118	34	Qh3015	Qa7013	54	Qf8	Qc1	
15	Qg4020	Bc249	35	Qg301	Qf1	55	1c2	Qc1	
16	Na5049	15	36	Qh4	1Ua4	56	1c8	Qc1	
17	Be5067	ff046	37	Bd2	1Vb2	57	1c4	Qc4	
18	Bg3041	Bh045	38	f3	Re4	58	1c8	Qc6	
19	Qh1045	Qe7045	39	Bf4	Q5	59	1c4	Nb2	
20	Qc1	Re2041	40	K5	1h1	60	1Vc2	1Vb3	
SIGNATURE (WHITE) Zhu Yanxiao			SIGNATURE (BLACK) Edisa			SIGNATURE (ARBITER) Y2			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

13044

Group G/6									
Round 2									
Date 7.18 Board 16									
WHITE Zhu Yanxiao					FED CHN RESULT (W) 0				
BLACK Berdikoeva Edisa					FED KGZ RESULT (B) 1				
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	Re6	Qe1	21			41			
2	1c2	Qf2	22			42			
3	1h3	Qg4	23			43			
4	1ch2	1Ve1	24			44			
5			25			45			
6			26			46			
7			27			47			
8			28			48			
9			29			49			
10			30			50			
11			31			51			
12			32			52			
13			33			53			
14			34			54			
15			35			55			
16			36			56			
17			37			57			
18			38			58			
19			39			59			
20			40			60			
SIGNATURE (WHITE) Zhu Yanxiao			SIGNATURE (BLACK) Edisa			SIGNATURE (ARBITER) Y2			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



WHITE				BLACK				WHITE				BLACK			
Zhu Yanxiao				Berdibayeva Ediga											
FED CHN				FED KGZ											
RESULT (W) 0				RESULT (B) 1											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	cu	ca	21	Ka1	Re2	41	Qh1	Na3							
2	dy	ds	22	Qe2	h6	42	Bc1	Nc4							
3	ed:	ed:	23	Qd3	Nc4	43	Kk4	Nd6							
4	h54	Nc6	24	Qg6	Qf2	44	g4	Qd3							
5	Nc3	Bb4	25	Qf5	Re8	45	Bf4	Nc4							
6	Bb5	Bc3	26	Re8	Qe8	46	Qe1	Qf3							
7	bc1	Ng2	27	Bf4	b5	47	Qe8	Qe4							
8	h3	o-o	28	Qg4	Kh2	48	Qf2	Qh1							
9	Nc2	Bf5	29	h4	Nb6	49	Vg3	Qe1							
10	o-o	ag	30	Kh2	Nay	50	Vg2	Qe2							
11	Bc6	Nc6	31	Qh3	Kg8	51	Vg3	Qd3							
12	Ng3	hgc	32	h5	Nb7	52	Kk4	Qe4							
13	Re1	Was	33	Qg4	Kh8	53	Vg3	ay							
14	Qe2	ca	34	Qh3	Qd7	54	Qf8	Qe1							
15	Qg4	Bc2	35	Qg3	Qf6	55	Vg4	Qe2							
16	Nh5	Bg2	36	Qh4	Nay	56	Vg3	Qd3							
17	Re5	f6	37	Bc2	Nb2	57	Vk4	Qe4							
18	Bg3	Bh5	38	f3	Nc4	58	Vg3	Qe6							
19	Qh5	Qd7	39	Bf4	ax	59	Vk4	Nb1							
20	Re2	Re2	40	Vg3	Kh7	60	Vg3	Nd3							
SIGNATURE (WHITE) Zhu Yanxiao				SIGNATURE (BLACK) B				SIGNATURE (ARBITER) j n							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



WHITE				BLACK				WHITE				BLACK			
Zhu Yanxiao				B. Ediga											
FED CHN				FED KGZ											
RESULT (W) 0				RESULT (B) 1											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	Bd6	Qe1	21			41									
2	Vg8	Qf2	22			42									
3	Vh3	Qf3	23			43									
4	Vh2	Ne1	24			44									
5			25			45									
6			26			46									
7			27			47									
8			28			48									
9			29			49									
10			30			50									
11			31			51									
12			32			52									
13			33			53									
14			34			54									
15			35			55									
16			36			56									
17			37			57									
18			38			58									
19			39			59									
20			40			60									
SIGNATURE (WHITE) Zhu Yanxiao				SIGNATURE (BLACK) B				SIGNATURE (ARBITER) j n							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 18 July

Group G16
Round 2

WHITE Jannatul, Preetly				FED BAN				RESULT (W) 1			
BLACK Duwal, Shresha				FED NEP				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	f5	21	Bd6	Qf7	41					
2	c4	Nf6	22	cxb5	Rd8	42					
3	Nc3	g6	23	BxRd8	Rxb8	43					
4	g3	Bg7	24	BxNd7	NxBd7	44					
5	Bg2	O-O	25	Qc7	Nf6	45					
6	e3	d6	26	QxQf7	RxQf7	46					
7	Ne2	Ng7	27	Rd1	Ng8	47					
8	O-O	Kh8	28	Rc8		48					
9	b3	e5	29			49					
10	Bb2	Re8	30			50					
11	dxe5	dxc5	31			51					
12	Qc2	c6	32			52					
13	Rd1	Qc7	33			53					
14	Rc1	b6	34			54					
15	Nb5	Qd8	35			55					
16	Bxc6	Rb8	36			56					
17	Nd6	Rf8	37			57					
18	Bxe5	Qe7	38			58					
19	Bf4	Ba6	39			59					
20	Nb5	Bxb5	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Preetly				SIGNATURE (BLACK) [Signature]				SIGNATURE (ARBITER) YZ			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 18.07.26

Group U-16
Round 02

WHITE Jannatul, Preetly				FED Ban				RESULT (W) 1			
BLACK Duwal, Shresha				FED Nep				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	f5	21	Bd6	Qf7	41					
2	c4	Nf6	22	cxb4	Re8	42					
3	Nc3	g6	23	Bxf8	Rxf8	43					
4	g3	Bg7	24	Bxd7	Nxd7	44					
5	Bg2	O-O	25	Qe7	Nf6	45					
6	e3	d6	26	Qxf6	Rxf6	46					
7	Ngd2	Nbd7	27	Rd8	Nf8	47					
8	O-O	Kh8	28	Rc8		48					
9	b3	e5	29			49					
10	Bb2	Re8	30			50					
11	dxe5	dxc5	31			51					
12	Qe2	c6	32			52					
13	Rf1	Qe7	33			53					
14	Rac1	b6	34			54					
15	Nb5	Qd8	35			55					
16	Bxc6	Rb8	36			56					
17	Nc6	Rf8	37			57					
18	Bxe5	Qe7	38			58					
19	Bf4	Ba6	39			59					
20	Nb5	Bxb5	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Preetly				SIGNATURE (BLACK) [Signature]				SIGNATURE (ARBITER) YZ			